

Phiếu An Toàn Hóa Chất	
Linear Alkyl Benzene Sulphonic Acid (LAS)	
Số CAS: 27176-87-0 hoặc 85117-49-3 Số UN: 2586 Số đăng ký EC: chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: chưa có thông tin Số đăng ký danh mục Quốc gia khác: chưa có thông tin	
PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp	
<ul style="list-style-type: none"> - Các tên hóa học/tên thường gọi của chất: Linear Alkyl Benzene Sulphonic Acid Lauryl Benzene Sulphonic Acid Benzene Sulphonic Acid, dẫn xuất của mono C10-C14 Alkyl 	Mã sản phẩm : Chưa có thông tin
<ul style="list-style-type: none"> - Tên thương mại: LAS 	
<ul style="list-style-type: none"> - Tên khác (không là tên khoa học): LAS 	
<ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà cung cấp địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN TICO 45 Cửu Long, phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM Điện thoại: 08.38486254 - Fax: 08.38486178 	Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN TICO 45 Cửu Long, phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM Tel: 84. 3.848.6649 Fax: 84. 3.848.6178
<ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN TICO 83/2B Ấp 2B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.3713085 - Fax: 0650.3710109 	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: Nguyên liệu trong sản xuất chất tẩy rửa. 	



PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% khối lượng)
Chất hoạt động bề mặt (LAS)	27176-87-0 hoặc 85117-49-3	$C_{12}H_{25}C_6H_4SO_3H$	96 % min
Sulfuaric acid	7664-93-9	H_2SO_4	1,5% max
Dầu tự do (Linear Alkylbenze chưa phản ứng)	68648-86-2	$C_{12}H_{25}C_6H_5$	1,5% max

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm**1. Mức xếp loại nguy hiểm : 8****2. Cảnh báo nguy hiểm :**

- Las là sản phẩm không dễ cháy
- Khi cứu hỏa sử dụng DCP, bình bọt, phun nước, cát ...
- Khi tiếp xúc phải tránh tiếp xúc trực tiếp với tay, tránh văng vào mắt và tránh tràn, trơn trượt.
- Las được lưu giữ trong các phuy, bồn thép, hoặc thép không rỉ ở nhiệt độ môi trường.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây kích ứng mắt với nồng độ lớn hơn 5%
- Đường thở: Gây kích ứng đường hô hấp
- Đường da: Tiếp xúc trực tiếp với nồng độ > 50 % LAS gây rát, phỏng da nhẹ.
- Đường tiêu hóa: Có hại nếu nuốt phải.

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt ngay với nhiều nước, kết hợp với nâng mí mắt để rửa, thời gian rửa mắt ít nhất là 15 phút , thấy khó chịu đưa ngay đến bác sĩ.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Cởi bỏ ngay quần áo bị nhiễm bẩn, rửa sạch da ngay lập tức dưới vòi nước mạnh, đi bác sĩ nếu thấy khó chịu.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : nếu không thở đưa nạn nhân ra chỗ thoáng khí, cho thở oxy, đi bác sĩ.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm): Rửa sạch miệng, uống từ 2-3 ly sữa hoặc nước để pha loãng nồng độ nuốt phải, đưa đến bác sĩ.

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy: LAS không gây cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Khi bị đốt cháy tạo ra Carbon dioxide (CO₂), carbon monoxide (CO), khí sulfuro (SO_x).

3. Các tác nhân gây cháy: Đốt trực tiếp.

4. Các chất dập cháy thích hợp : Sử dụng DCP, bình bọt, phun nước, cát ...

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy :Theo qui định PCCC địa phương.

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ : Thấm hút bằng vật liệu trơ như cát ,
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng : Bơm , quét hút vào thùng chứa chờ xử lý chất thải.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tiếp xúc trực tiếp với da , mắt, quần áo . Rửa sạch sau khi thao tác. Vận chuyển trong hệ thống kín.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Bảo quản nơi khô mát , chứa trong các thùng bằng nhựa , thép không rỉ ở nhiệt độ môi trường.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết : Vận chuyển trong hệ thống kín
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc
 - Bảo vệ mắt: Mang kính có mặt lá chắn.
 - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ lao động , đeo khẩu trang.
 - Bảo vệ tay: Mang bao tay cao su không thấm nước.
 - Bảo vệ chân : Giày bảo hộ.
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Như mục 2 phần VIII
4. Các biện pháp vệ sinh: Phòng tắm vòi nước mạnh và xà phòng tắm.

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý : Chất lỏng có độ nhớt.	Điểm sôi (⁰ C) : 208
Màu sắc : Nâu nhạt	Điểm nóng chảy (⁰ C) : không áp dụng
Mùi đặc trưng : Mùi dầu khoáng	Điểm bùng cháy (⁰ C) (Flash point) > 90
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng.	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C): Chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : không áp dụng.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: tan tốt trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ PH dung dịch 1 %: 1.5	Tỷ lệ hoá hơi: không áp dụng
Khối lượng riêng (kg/m ³): 1,030 ở 20 ° C 1,050 ở 30 ° C 1,045 ở 40 ° C 1,040 ở 50 ° C	Các tính chất khác nếu có: không có

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định : LAS là hỗn hợp ổn định cao. Khi bảo quản đúng kỹ thuật, hạn sử dụng của LAS là 2 năm kể từ ngày sản xuất.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Sản phẩm của phản ứng phân hủy là Carbon dioxide (CO₂), carbon monoxide (CO), khí sulfuro (SO_x).
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Chưa có thông tin.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: LAS phản ứng với chất kiềm, đây là phản ứng tỏa nhiệt.
- Phản ứng trùng hợp: không có.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
LAS	LC ₅₀	1 – 5 mg/l		Cá
	LC ₅₀	10 – 300 mg/l		Tảo
	LD ₅₀	1,080 - 1,980 mg/kg	Miệng	Thỏ
	LD ₅₀	2,160 - 2,250 mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen..): chưa có thông tin.

2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin.

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường

1. Độc tính với sinh vật: Chưa có thông tin

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
----------------	---------------	------------------	---------

2. Tác động trong môi trường: LAS là chất dễ phân hủy sinh học

- Mức độ phân hủy sinh học: Hệ số phân bố riêng phần Octane/Nước (Octane/Water partition coefficient) log Kow = 3.32 đối với mạch carbon là C16; C12, log Kow = 2.52 ở đáy sông, hay log Kow = 3.51 trong lớp bùn hoạt tính.
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Carbon dioxide (CO₂), carbon monoxide (CO), khí sulfuro (SO_x).
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: theo tính chất CO₂, CO, SO_x.

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Chưa có thông tin
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : Chưa có thông tin
3. Biện pháp tiêu hủy : Đốt bỏ hoặc theo qui định của pháp luật.
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : Sử dụng biện pháp đốt thì sản phẩm là Carbon dioxide (CO₂), carbon monoxide (CO), khí sulfuro (SO_x).

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 104/2009/NĐ-CP	2586	Chưa có thông tin	8			Số hiệu nguy hiểm 80, Chất ăn mòn hoặc ít ăn mòn
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Hiệp hội Châu Âu ADR	2586	Chưa có thông tin	8			Số hiệu nguy hiểm 80, Chất ăn mòn hoặc ít ăn mòn

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : Chưa có thông tin
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : Hóa chất **KHÔNG** phải khai báo theo danh mục của nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu : 1/1/2011

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất :

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo : Công ty Cổ phần TICO

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.